



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM  
THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013  
(đã được kiểm toán)

A member of  International

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 28
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vicem Thương Mại Xi Măng trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Xi măng được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Vật tư kỹ thuật xi măng thành công ty cổ phần theo QĐ số 803/QĐ-BXD ngày 28 tháng 05 năm 2007 của Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 348 Giải Phóng - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch
Ông Dương Công Hoàn	Ủy viên
Ông Đinh Xuân Cầm	Ủy viên
Bà Phan Thị Tố Oanh	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Thạch	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Công Hoàn	Giám đốc	
Ông Đặng Phúc Tân	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2013)
Ông Trần Quang Tuấn	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2013)
Ông Nông Tuấn Dũng	Phó Giám đốc	
Ông Đinh Xuân Cầm	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Hải Nga	Trưởng ban
Bà Tô Thị Minh Phượng	Ủy viên
Bà Lê Thị Hồng Thu	Ủy viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

**TM. Ban Giám đốc**  
Giám đốc 



**Dương Công Hoàn**

Số: 174/2014/BC.KTTC-AASC.KTI

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014 được trình bày từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 12 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang thực hiện ghi nhận tiền thuê đất phải trả trong năm căn cứ theo thông báo tạm thu của chi cục thuế địa phương, do đó giá trị tiền thuê đất xác định lại trong tương lai có thể có thay đổi sau khi Công ty hoàn thành việc ký kết đầy đủ các hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên môi trường và thống nhất đơn giá đất làm cơ sở tính tiền thuê đất với Sở Tài chính địa phương.

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Nguyễn Quốc Dũng**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2014

**Kiểm toán viên**

**Phạm Anh Tuấn**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>199.915.791.769</b>	<b>210.153.809.946</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	92.975.213.944	107.677.469.498
111 1. Tiền		72.975.213.944	107.677.469.498
112 2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	-
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		98.831.775.131	92.754.146.483
131 1. Phải thu khách hàng		106.980.063.431	98.395.566.867
132 2. Trả trước cho người bán		108.339.100	1.224.324.746
135 5. Các khoản phải thu khác	4	1.975.672.506	1.201.575.446
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	5	(10.232.299.906)	(8.067.320.576)
140 IV. Hàng tồn kho	6	7.949.702.694	9.393.698.965
141 1. Hàng tồn kho		7.949.702.694	9.393.698.965
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		159.100.000	328.495.000
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	7	159.100.000	328.495.000
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.181.333.406</b>	<b>5.580.584.183</b>
220 II. Tài sản cố định		6.138.996.471	5.580.584.183
221 1. Tài sản cố định hữu hình	8	4.877.097.408	5.111.899.975
222 - Nguyên giá		18.901.242.822	18.904.190.030
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(14.024.145.414)	(13.792.290.055)
227 3. Tài sản cố định vô hình	9	180.000.000	180.000.000
228 - Nguyên giá		315.000.000	315.000.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(135.000.000)	(135.000.000)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.081.899.063	288.684.208
260 V. Tài sản dài hạn khác		42.336.935	-
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	42.336.935	-
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>206.097.125.175</b>	<b>215.734.394.129</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>124.746.447.627</b>	<b>134.628.128.261</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>122.817.347.627</b>	<b>132.844.028.261</b>
312 2. Phải trả người bán		110.052.649.720	112.383.478.461
313 3. Người mua trả tiền trước		96.327.465	60.018.978
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.413.135.548	4.838.423.446
315 5. Phải trả người lao động		3.143.881.270	3.470.281.970
316 6. Chi phí phải trả	13	1.446.076.638	3.704.632.514
317 7. Phải trả nội bộ	14	479.104.933	445.873.578
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	3.053.083.674	7.952.885.804
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		133.088.379	(11.566.490)
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.929.100.000</b>	<b>1.784.100.000</b>
333 3. Phải trả dài hạn khác	16	1.929.100.000	1.784.100.000
<b>400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>81.350.677.548</b>	<b>81.106.265.868</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>81.350.677.548</b>	<b>81.106.265.868</b>
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		9.315.412.774	8.366.000.000
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		2.560.863.356	2.137.368.487
419 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.556.494.869	2.133.000.000
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.917.906.549	8.469.897.381
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>206.097.125.175</b>	<b>215.734.394.129</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý		79.674.450	79.674.450

Người lập biểu

Đặng Thành Công

Kế toán trưởng

Đinh Xuân Cẩm

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014



Giám đốc

Đương Công Hoàn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.033.770.904.320	1.095.837.862.051
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	2.247.929.760	1.092.677.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.031.522.974.560	1.094.745.185.051
11	4. Giá vốn hàng bán	20	988.378.633.392	1.044.385.403.378
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.144.341.168	50.359.781.673
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.561.514.550	2.825.499.310
24	8. Chi phí bán hàng	22	23.852.945.856	28.834.160.119
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	14.433.000.959	17.907.248.793
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.419.908.903	6.443.872.071
31	11. Thu nhập khác	24	25.951.886.441	31.840.455.875
32	12. Chi phí khác	25	24.091.919.945	26.920.908.105
40	13. Lợi nhuận khác		1.859.966.496	4.919.547.770
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.279.875.399	11.363.419.841
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	2.361.968.850	2.893.522.460
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>6.917.906.549</u>	<u>8.469.897.381</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.153	1.412

Người lập biểu

Đặng Thành Công

Kế toán trưởng

Đinh Xuân Cầm

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Giám đốc



Dương Công Hoàn

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

Theo phương pháp gián tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>9.279.875.399</b>	<b>11.363.419.841</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
02	- Khấu hao tài sản cố định	666.533.493	753.922.030
03	- Các khoản dự phòng	2.164.979.330	3.539.427.149
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(2.561.514.550)	(4.967.322.210)
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>9.549.873.672</b>	<b>10.689.446.810</b>
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(8.073.212.978)	(10.804.602.720)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	1.443.996.271	28.632.005.889
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(11.442.451.674)	(8.125.184.672)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.993.522.460)	(4.227.346.303)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	535.360.000	370.000.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(961.536.935)	(1.366.838.917)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(10.941.494.104)</b>	<b>15.167.480.087</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(310.536.000)	(99.813.636)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	2.518.540.734
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.561.514.550	2.825.499.310
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>2.250.978.550</b>	<b>5.244.226.408</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(6.011.740.000)	(6.000.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(6.011.740.000)</b>	<b>(6.000.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(14.702.255.554)</b>	<b>14.411.706.495</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	107.677.469.498	93.265.763.003
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<b>3 92.975.213.944</b>	<b>107.677.469.498</b>

Người lập biểu

Đặng Thành Công

Kế toán trưởng

Đinh Xuân Cầm

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Giám đốc



Đương Công Hoàn